

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2021
V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Kim Mến.

2. Ông Nguyễn Trường Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Huyền Tr, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ: Số 81, ấp H, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Tạ Minh Nh, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H2, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2021, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Huyền Tr trình bày: Bà Trần Thị Huyền Tr kết hôn với ông Tạ Minh Nh vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn. Bà Tr và ông Nh chung sống hạnh phúc được 03 năm. Đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Sau đó, ông Nh bỏ đi nên bà Tr và ông Nh không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau. Nay bà Tr nhận thấy giữa bà và ông Nh không còn tình cảm với nhau nên bà Tr quyết định yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trần Thị Huyền Tr và ông Tạ Minh Nh có 01 người con chung tên Trần Thị Huyền T, sinh ngày 12/01/2018, con chung hiện nay đang sống với bà Tr. Bà Tr yêu cầu được nuôi con đến đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Tạ Minh Nh:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Tạ Minh Nh theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Nh không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Tạ Minh Nh đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Nh vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Huyền Tr và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Huyền Tr và ông Tạ Minh Nh; Về con chung: Giao cho bà Tr được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 12/01/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Tạ Minh Nh được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Tạ Minh Nh đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Nh vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử

thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[2] Việc tranh chấp giữa bà Trần Thị Huyền Tr và ông Tạ Minh Nh là loại kiện hôn nhân và gia đình. Xét thấy, bà Tr và ông Nh tổ chức cưới và sống chung vào năm 2016, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc, ông Nh bỏ đi nên bà Tr và ông Nh không còn sống chung với nhau cho đến nay, không còn liên lạc, không quan tâm nhau, bà Tr xác định không còn tình cảm với ông Nh và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nh. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà Trần Thị Huyền Tr và ông Tạ Minh Nh không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, bà Tr và ông Nh tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016 và đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa hai người không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thụ lý đơn khởi kiện của bà Trần Thị Huyền Tr và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Huyền Tr và ông Tạ Minh Nh.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trần Thị Huyền Tr và ông Tạ Minh Nh có 01 người con chung tên Trần Thị Huyền T, sinh ngày 12/01/2018 hiện nay đang sống với bà Tr. Bà Tr yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, từ khi bà Tr và ông Nh không còn chung sống thì cháu T do bà Tr nuôi dưỡng và hiện nay cháu T vẫn đang sống với bà Tr. Hơn nữa, cháu T sinh ngày 12/01/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 21/9/2021 thì cháu T chỉ hơn 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho bà Tr được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 12/01/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Tạ Minh Nh được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà Trần Thị Huyền Tr trình bày đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu ông Tạ Minh Nh cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng

trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Huyền Tr và ông Tạ Minh Nh.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Huyền Tr được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 12/01/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Tạ Minh Nh được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Huyền Tr không yêu cầu ông Tạ Minh Nh cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008211 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trần Thị Huyền Tr đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện X;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ